

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2023/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025 kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí,
định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai
năm 2022, giai đoạn 2022-2025 kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai; Báo cáo
thẩm tra số 452/BC-BKTNS ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025 kèm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Chi hoạt động thường xuyên:

a) Chi hoạt động thường xuyên bao gồm:

- Chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí điện, nước, điện thoại, mạng internet, vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi hội nghị, công tác phí, đoàn ra, đoàn vào.

- Chi thuê mướn, ký hợp đồng dịch vụ một số công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (lái xe, tạp vụ, bảo vệ, cấp dưỡng mầm non, quản sinh...) phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan đơn vị do lãnh đạo cơ quan quyết định.

- Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên tại đơn vị như: Chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp công dân, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan; chi cải cách hành chính, xây dựng hệ thống thông tin nội bộ, hệ thống quản lý cơ quan và các nhiệm vụ khác do lãnh đạo cơ quan quyết định.

- Chi bảo dưỡng, mua sắm, sửa chữa thường xuyên các công trình, cơ sở vật chất, tài sản phục vụ công tác chuyên môn do cơ quan đơn vị quản lý dưới 100 triệu đồng/danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa.

- Chi hoạt động tổ chức Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chi hoạt động dân quân tự vệ, đội phòng cháy chữa cháy, các tổ chức, đoàn, hội tại cơ quan.

- Chi nhiệm vụ dạy nghề phổ thông, bồi dưỡng học sinh giỏi tại các cơ sở giáo dục.

- Chi tiền làm thêm giờ, chi phúc lợi cơ quan, tiền nghỉ phép năm, chi khen thưởng do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định, chi hỗ trợ khác do cơ quan ban hành quyết định và các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

b) Không bao gồm:

- Chi trang phục ngành theo quy định của trung ương.

- Chi tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân tập trung, chi tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại các địa điểm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính một cửa tập trung tại tỉnh, huyện, xã.

- Chi tăng giờ trong trường hợp đặc biệt, do nguyên nhân khách quan, số chi chế độ làm thêm giờ lớn hoặc cần thiết phải thuê, mướn, điều động từ các đơn vị khác để đảm bảo công việc. Chi tăng giờ tại trung tâm Bồi dưỡng chính trị, trường Chính trị tỉnh và trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật."

2. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 5 như sau:

"b) Khoản chi hoạt động thường xuyên:

- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 110 triệu đồng/biên chế/năm.

- Các Sở chủ quản, Ban, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh: 80 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đơn vị hành chính trực thuộc các sở:

+ Chi cục Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn): 92 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm (Sở Y tế): 82 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Các đơn vị khác: 70 triệu đồng/biên chế/năm.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 như sau:

“a) Các đơn vị sự nghiệp giáo dục.

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt).

- Khoản chi hoạt động thường xuyên: Phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao và khu vực, loại hình như sau:

+ Khu vực thành phố Biên Hòa: 30 triệu đồng/biên chế/năm

+ Khu vực các huyện, thành phố khác: 35 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Phân bổ một số loại hình trường có tính chất đặc thù như sau:

Đối với Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh: 30 triệu đồng/biên chế/năm.

Đối với trường Trung học phổ thông chuyên Lương Thế Vinh: 33 triệu đồng/biên chế/năm.

Đối với Trung tâm Nuôi dạy trẻ khuyết tật: 60 triệu đồng/biên chế/năm.

Đối với trường phổ thông Năng khiếu thể thao: 45 triệu đồng/biên chế/năm.

Đối với trường dân tộc nội trú: 60 triệu đồng/biên chế/năm.

- Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 5 như sau:

“c) Các đơn vị sự nghiệp khác.

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được phê duyệt).

- Khoản chi hoạt động thường xuyên:

+ Cơ sở Điều trị nghiện ma túy (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội): 68 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Trung tâm Công tác xã hội (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội): 78 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Ban Quản lý Nghĩa trang (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội): 320 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Bảo tàng tỉnh (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch): 79 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai: 60 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Các đơn vị khác: 50 triệu đồng/biên chế/năm.

- Chi hoạt động đặc thù: Phân bổ ngân sách theo dự toán được duyệt.”

5. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 5 như sau:

“b) Khoản chi hoạt động thường xuyên: 65 triệu đồng/biên chế/năm.”

6. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Khoản chi hoạt động thường xuyên cho các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội:

- Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện: 95 triệu đồng/biên chế/năm.

- Phòng, ban, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện: 75 triệu đồng/biên chế/năm.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:

“c) Phân bổ dự toán chi cho các hội đặc thù và các tổ chức đoàn thể - xã hội được giao biên chế:

- Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không vượt quá biên chế được phê duyệt).

- Khoản chi hoạt động thường xuyên: 50 triệu đồng/biên chế/năm.”

8. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 6 như sau:

“d) Chi khác trong hoạt động quản lý nhà nước: Lấy tiêu chí dân số để xây dựng định mức:

+ Thành phố Biên Hòa: 25.000 đồng/người dân/năm.

+ Các huyện Xuân Lộc, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch: 26.000 đồng/người dân/năm

+ Thành phố Long Khánh và các huyện còn lại: 27.000 đồng/người dân/năm.”

9. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Khoản chi hoạt động thường xuyên: Phân bổ theo biên chế được cấp thẩm quyền giao và phân theo cấp học, khu vực như sau:

Cấp học	Định mức một biên chế/năm (triệu đồng)
1. Mầm non	
Thành phố Biên Hòa	52
Các huyện, thành phố khác	60
2. Tiểu học, THCS	
Thành phố Biên Hòa	30
Các huyện, thành phố khác	35

Một số loại hình trường có tính chất đặc thù được phân bổ như sau:

+ Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: Áp dụng theo mức phân bổ các cấp học tiểu học, THCS.

+ Đối với trường dân tộc nội trú: 60 triệu đồng/ biên chế/ năm.”

10. Bổ sung khoản 14 Điều 6 như sau:

“14. Định mức phân bổ các đơn vị sự nghiệp khác (ngoài đơn vị sự nghiệp giáo dục) ngân sách đảm bảo chi thường xuyên.

a) Chi cho con người: Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được duyệt) và 2,34 lần lương cơ sở/biên chế chưa tuyển (biên chế nằm trong hạn mức biên chế được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt).

Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng phần bổ sung thêm trên, cân đối chung ngân sách đảm bảo phân tăng chi con người trong năm dự toán do tuyển thêm các biên chế chưa tuyển và kinh phí thực hiện các chính sách thôi việc theo quy định của Luật Viên chức.

b) Khoản chi hoạt động thường xuyên: 50 triệu đồng/biên chế/ năm.”

11. Bổ sung khoản 15 Điều 6 như sau:

“15. Chi khác ngân sách: 02% chi quản lý hành chính cấp huyện.”

12. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Chi quản lý hành chính:

- Chi cho con người:

+ Đảm bảo chi đầy đủ quỹ lương theo biên chế thực tế thực hiện (không được vượt mức biên chế được duyệt) và 2,34 lần lương cơ sở/biên chế chưa tuyển (biên chế nằm trong hạn mức biên chế được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt).

Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng phần bổ sung thêm trên, cân đối chung ngân sách đảm bảo phần tăng chi con người trong năm dự toán do tuyển thêm các biên chế chưa tuyển và kinh phí thực hiện các chính sách thôi việc theo quy định của Luật Cán bộ, công chức.

+ Khoản quỹ phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp áp theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Khoản chi hoạt động thường xuyên: 60 triệu đồng/biên chế cán bộ, công chức/năm.

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ định mức khoản chi hoạt động thường xuyên, mức khoản quỹ phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp áp và các quy định có liên quan, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính.”

13. Bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Tiếp tục thực hiện chi đào tạo nghề trình độ cao đẳng, trung cấp đối với các hợp đồng đã ký liên kết đào tạo với các trường ngoài tỉnh, trường Trung ương các khóa học 2020-2023, 2021-2024, 2022-2025.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 7 năm 2023.

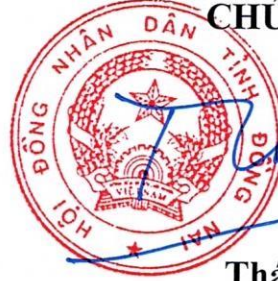
3. Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Đồng Nai năm 2022, giai đoạn 2022-2025 kèm theo Nghị quyết

số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023. / *phuu*

Nơi nhận: *li*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo
Thái Bảo